TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2022/HC-PT
Ngày 14 – 01 – 2022
V/v khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý đất đai

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Đình Thanh

Các thẩm phán: Ông Đặng Văn Ý

Bà Đinh Ngọc Thu Hương

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Phạm Thị Hồng Hạnh – Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà*:** Ông Nguyễn Văn Phượng – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính phúc thẩm thụ lý số: 542/2021/TLPT-HC ngày 15 tháng 11 năm 2021 về khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý đất đai.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 19/2021/HC-ST ngày 16 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2825/2021/QĐ-PT ngày 10 tháng 12 năm 2021; giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện*: Bà Lê Thị T, sinh năm 1969; địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre, *(vắng mặt);*

Người đại diện theo ủy quyền của bà T (theo Giấy ủy quyền ngày 30/9/2021): Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1985; địa chỉ: 434/25/15 đường P, Phường 9, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, *(có mặt).*

- *Người bị kiện*:

1. Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre;

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre;

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện (theo Giấy ủy quyền ngày 15/6/2021): Ông Phạm Anh Linh – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, *(xin vắng mặt);*

- *Người kháng cáo*: Người khởi kiện bà Lê Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo Đơn khởi kiện, Bản tự khai, Biên bản phiên họp kiểm tra về việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, Biên bản đối thoại và tại phiên toà sơ thẩm, người khởi kiện bà Lê Thị T trình bày:

Bà Lê Thị T là chủ sử dụng đất tại thửa 50, tờ bản đồ 18, diện tích 37,3m^2, mục đích sử dụng cây lâu năm, tọa lạc tại xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre. Trên thửa đất có căn nhà cấp 4, nền gạch men, mái tol, có trần, khung cột bê tông cốt thép, nhà có gác lửng, chiều cao trên 6m, diện tích căn nhà 29,945m^2. Ngày 08/3/2020, Ủy ban nhân dân (UBND) huyện C ban hành Quyết định số 1452/QĐ-UBND về việc thu hồi đất để thực hiện dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 57 đoạn từ phà Đình Khao đến thị trấn Mỏ Cày, tỉnh Bến Tre. Theo Quyết định trên có nêu nội dung thu hồi 8,3m^2 đất trồng cây lâu năm, thuộc một phần thửa đất số 50, tờ bản đồ số 18, kèm theo quyết định là trích lục bản đồ địa chính. Ngày 18/3/2020, UBND huyện C ban hành Quyết định số 1276/QĐ-UBND *"Về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Tiểu dự án giải phóng mặt bằng (Tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ tái định cư) Dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 57 đoạn từ bến phà Đình Khao đến thị trấn Mỏ Cày, tỉnh Bến Tre, Vĩnh Long (địa phận xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre)"*, kèm theo Bảng áp giá chi tiết về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, theo đó bà Lê Thị T được bồi thường về đất là 10.430.112 đồng, bồi thường về nhà là 85.585.360 đồng, bồi thường về vật kiến trúc 18.360.090 đồng, chính sách hỗ trợ 3.660.000 đồng. Không đồng ý với việc bồi thường trên, bà T làm đơn khiếu nại yêu cầu xem xét. Ngày 02/10/2020, UBND huyện C ban hành Quyết định số 4070/QĐ-UBND *"Về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Tiểu dự án giải phóng mặt bằng (Tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ tái định cư) Dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 57 đoạn từ bến phà Đình Khao đến thị trấn Mỏ Cày, tỉnh Bến Tre, Vĩnh Long (địa phận xã P - Đợt 4)"* và kèm theo Bảng áp giá chi tiết chi phí bồi thường, hỗ trợ (bổ sung) bồi thường nhà và chính sách hỗ trợ cho bà tăng thêm số tiền 16.407.000 đồng. Số tiền bà Lê Thị T được nhận sau 02 lần điều chỉnh tổng cộng làm tròn là 134.083.000 đồng, trong đó đã bồi thường 100% giá trị căn nhà của bà T.

Nhận thấy việc điều chỉnh số tiền được bồi thường và hỗ trợ chưa phù hợp và không thỏa đáng nên bà T đã làm đơn tiếp tục khiếu nại. Ngày

22/01/2021, UBND huyện C có mời tổ chức đối thoại. Ngày 01/02/2021, Chủ tịch UBND huyện C ban hành Quyết định số 586/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Lê Thị T với nội dung không chấp nhận yêu cầu khiếu nại của bà T đối với Quyết định 4070/QĐ-UBND ngày 02/10/2020. Ngày 17/02/2021, UBND xã P tống đạt Quyết định số 586/QĐ-UBND cho bà T.

Việc UBND huyện C định giá toàn bộ căn nhà theo giá trị sử dụng còn lại để bồi thường cho bà T với tổng số tiền nhà 98.632.360 đồng là không đúng. Lẽ ra UBND huyện C phải định giá trị xây mới 100% căn nhà để bồi thường cho bà T, theo bà T giá trị bồi thường 100% căn nhà xây mới khoảng 800 triệu đồng. Đối với phần đất, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà T được cấp diện tích 37,3m^2, UBND huyện C thu hồi 8,3m^2, diện tích đất còn lại 29m^2 không đủ để xây dựng nhà nên bà T yêu cầu UBND Chợ Lách huyện phải bồi thường trị giá đất khoảng 700 triệu đồng để bà có thể mua đất mới xây nhà.

Nay bà Lê Thị T yêu cầu Tòa án hủy:

+ Một phần Quyết định số 1276/QĐ-UBND ngày 18/3/2020 của UBND huyện C *"Về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Tiểu dự án giải phóng mặt bằng (Tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư). Dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 57 đoạn từ Bến phà Đình Khao đến thị trấn Mỏ Cày, tỉnh Bến Tre, Vĩnh Long (địa phận xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre)"*. Liên quan đến phần Bảng áp giá chi tiết về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của bà Lê Thị T.

+ Một phần Quyết định số 4070/QĐ-UBND ngày 02/10/2020 của UBND huyện C *"Về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Tiểu dự án giải phóng mặt bằng (Tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư) Dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 57 đoạn từ Bến phà Đình Khao đến thị trấn Mỏ Cày, tỉnh Bến Tre, Vĩnh Long (địa phận xã P – Đợt 4)"*. Liên quan đến phần Bảng áp giá chi tiết chi phí bồi thường, hỗ trợ (bổ sung) của bà Lê Thị T.

+ Quyết định số 586/QĐ-UBND ngày 01/02/2021 của Chủ tịch UBND huyện C *"Về việc giải quyết khiếu nại của bà Lê Thị T địa chỉ Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre"*.

- Theo Văn bản số 561/UBND-TT ngày 26/3/2021 của Ủy ban nhân dân huyện C, người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện C trình bày:

Ngày 18/3/2020, UBND huyện C ban hành Quyết định số 1276/QĐ-UBND về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư tiểu dự án giải phóng mặt bằng (tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư) Dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 57 đoạn từ phà Đình Khao đến thị trấn Mỏ Cày, tỉnh Bến Tre, Vĩnh Long (địa phận xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre). Theo nội dung Quyết định phê duyệt thì bà Lê Thị T được bồi thường về nhà, đất, chính sách hỗ trợ khác

với tổng số tiền 118.036.000 đồng đối với thửa 50, tờ bản đồ số 18 tọa lạc tại xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre. Nội dung bà T khiếu nại: Yêu cầu bồi thường hết căn nhà.

Bà T quản lý, sử dụng diện tích đối với thửa 50, tờ bản đồ 18, diện tích 37,3m^2. Diện tích giải phóng mặt là 8,3m^2. Tổng số tiền bồi thường là 118.036.000 đồng, tài sản bồi thường gồm: Nhà, đất, công trình kiến trúc, công trình phục vụ sinh hoạt. Việc bồi thường cho bà T đúng theo quy định của Quyết định số 28/2019/QĐ-UBND ngày 05/8/2019 của UBND tỉnh Bến Tre đã ban hành bảng giá nhà, vật kiến trúc xây dựng mới trên địa bàn tỉnh Bến Tre và bà T đã đồng ý đơn giá bồi thường.

Đối với căn nhà của bà T có diện tích nhỏ, kết cấu nhà một căn, khi giải phóng mặt bằng phá dỡ gần 1/3 căn nhà, khi phá dỡ sẽ ảnh hưởng đến phần còn lại của kết cấu căn nhà. Phần diện tích còn lại của căn nhà không thể sửa chữa, khắc phục lại được nên bà T đề nghị bồi thường hết căn nhà để xây cất lại là phù hợp.

Ngày 02/10/2020, UBND huyện C ban hành Quyết định số 4070/QĐ-UBND về việc phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Tiểu dự án giải phóng mặt bằng (Tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư) Dự án cải tạo và nâng cấp Quốc lộ 57 đoạn từ bến phà Đình Khao đến thị trấn Mỏ cày, tỉnh Bến Tre, Vĩnh Long (địa phận xã P – Đợt 4), bổ sung thêm số tiền bà T nhận được theo Bảng áp giá chi tiết bồi thường của 02 Quyết định (Quyết định số 1276/QĐ-UBND và Quyết định số 4070/QĐ-UBND) là 134.082.560 đồng; trong đó bồi thường, hỗ trợ về nhà ở số tiền 98.632.360 đồng, đất số tiền 10.430.112 đồng, vật kiến trúc, công trình phục vụ sinh hoạt số tiền 18.360.090 đồng, chính sách hỗ trợ số tiền 6.660.000 đồng.

Ngày 18/11/2020, bà Lê Thị T khiếu nại Quyết định số 4070/QĐ-UBND ngày 02/10/2020 về việc phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Tiểu dự án giải phóng mặt bằng (Tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư) Dự án cải tạo và nâng cấp Quốc lộ 57 đoạn từ bến phà Đình Khao đến thị trấn Mỏ cày, tỉnh Bến Tre, Vĩnh Long (địa phận xã P – Đợt 4). Nội dung: Không đồng ý số tiền bồi thường 134.082.560 đồng.

Kết quả kiểm tra thực tế tại phần đất, nhà ở của bà Lê Thị T theo nội dung Quyết định số 4070/QĐ-UBND ngày 01/10/2020 về việc phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Tiểu dự án giải phóng mặt bằng (Tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư) Dự án cải tạo và nâng cấp Quốc lộ 57 đoạn từ bến phà Đình Khao đến thị trấn Mỏ Cày, tỉnh Bến Tre, Vĩnh Long (địa phận xã P – Đợt 4) và Bảng áp giá chi tiết bồi thường của hai Quyết định

(Quyết định số 1276/QĐ-UBND và Quyết định 4070/QĐ-UBND) là 134.082.560 đồng) là đúng theo quy định. Bởi vì việc bồi thường, hỗ trợ về nhà ở, vật kiến trúc, công trình phục vụ sinh hoạt cho bà T được áp dụng đúng Quyết định số 28/2019/QĐ-UBND ngày 05/8/2019 của UBND tỉnh Bến Tre về ban hành Bảng áp giá nhà ở, vật kiến trúc xây dựng, công trình phục vụ sinh hoạt mới trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

Đối với yêu cầu hỗ trợ thêm tiền nhà ở là không có cơ sở xem xét. Bởi việc bồi thường, hỗ trợ nhà ở, vật kiến trúc, công trình phục vụ sinh hoạt cho bà T được áp dụng tại khoản 2, 3, 4, 5 mục XIV; khoản 2 mục XVIII; khoản 4 mục XIX của Quyết định số 28/2019/QĐ-UBND ngày 05/8/2019 của UBND tỉnh Bến Tre về ban hành Bảng áp giá nhà ở, vật kiến trúc xây dựng, công trình phục vụ sinh hoạt mới trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

Ngày 01/02/2021, UBND huyện C ban hành Quyết định số 586/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Lê Thị T, nội dung bác đơn khiếu nại của bà Lê Thị T.

Do đó, UBND huyện C khẳng định Quyết định số 4070/QĐ-UBND ngày 02/10/2020 là phù hợp với quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, do trong quá trình bồi thường về nhà cho bà T, UBND huyện C chưa áp dụng đối với nhà có chiều cao trên 6m thì được tính tăng thêm 8%. Nay UBND huyện C đồng ý bồi thường thêm 8% trên tổng giá trị nhà của bà T và bồi thường thêm 5,4m^2 sàn gỗ mà theo bà T cho rằng bồi thường thiếu. Những phần còn lại như nhà vệ sinh, sàn bê tông cốt thép đã được kiểm kê và tính giá bồi thường theo đúng quy định pháp luật. Đối với cây cầu từ đường Quốc lộ 57 nối vào nhà bà T không phải là cầu Bê tông cốt thép theo quy chuẩn cầu mà thực chất chỉ là tấm đal bắt vào vì vậy không thể bồi thường theo yêu cầu của bà T.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số: 19/2021/HC-ST ngày 16/9/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre đã quyết định:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T về việc yêu cầu hủy:

- Một phần Quyết định số 1276/QĐ-UBND ngày 18/3/2020 của Ủy ban nhân dân huyện C "Về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Tiểu dự án giải phóng mặt bằng (Tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư) Dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 57 đoạn từ Bến phà Đình Khao đến thị trấn Mỏ Cày, tỉnh Bến Tre, Vĩnh Long (địa phận xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre)". Liên quan đến phần Bảng áp giá chi tiết về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của bà Lê Thị T.

+ Một phần Quyết định số 4070/QĐ-UBND ngày 02/10/2020 của Ủy ban nhân dân huyện C "Về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Tiểu dự án giải phóng mặt bằng (Tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư) Dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 57 đoạn từ Bến phà Đình Khao đến thị trấn Mỏ Cày, tỉnh Bến Tre, Vĩnh Long (địa phận xã P – Đợt 4)". Liên quan đến phần Bảng áp giá chi tiết chi phí bồi thường, hỗ trợ (bổ sung) của bà Lê Thị T.

+ Quyết định số 586/QĐ-UBND ngày 01/02/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C "Về việc giải quyết khiếu nại của bà Lê Thị T địa chỉ Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre".

+ Ghi nhận Ủy ban nhân dân huyện C đồng ý bồi thường thêm cho bà Lê Thị T 6.203.000 (sáu triệu hai trăm lẻ ba nghìn) đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, về án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 29/9/2021, người khởi kiện bà Lê Thị T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện bà Lê Thị T, có người đại diện theo ủy quyền tham gia phiên tòa trình bày, vẫn giữ nguyên kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T với lý do:

Các Quyết định hành chính bị khiếu kiện (Quyết định số 1276/QĐ-UBND ngày 18/3/2020 và Quyết định số 4070/QĐ-UBND ngày 02/10/2020 của UBND huyện C) được ban hành bởi người không có thẩm quyền ban hành là vi phạm nghiêm trọng quy định của pháp luật, là hành vi bị nghiêm cấm theo quy định của Luật Ban hành Văn bản quy phạm pháp luật.

Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà T được quyền sử dụng diện tích 37,3m^2 đất trồng cây lâu năm nhưng thực tế bà T đã xây dựng nhà ở trên toàn bộ diện tích đất này. UBND huyện C thu hồi 8,3m^2, diện tích đất còn lại 29m^2 không đủ để xây dựng nhà theo quy định của UBND huyện C nên bà T yêu cầu UBND huyện C phải cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T được quyền sử dụng diện tích đất 37,3m^2 là đất ở và phải bồi thường trị giá đất là đất ở với số tiền khoảng 700.000.000 đồng để bà T mua đất ở nơi khác xây nhà ở mới.

Vì bà T phải mua đất ở nơi khác để xây nhà ở mới, nên UBND huyện C định giá toàn bộ căn nhà theo giá trị sử dụng còn lại để bồi thường cho bà T với tổng số tiền nhà 98.632.360 đồng là không đúng. Trong trường hợp này, UBND

huyện C phải định giá trị xây mới 100% căn nhà để bồi thường cho bà T, theo bà T giá trị bồi thường 100% căn nhà xây mới là khoảng 800.000.000 đồng. Đồng thời, UBND huyện C phải hỗ trợ tiền đào tạo, chuyển đổi nghề cho bà T đối với diện tích đất 37,3m^2.

Thêm nữa, UBND huyện C thu hồi diện tích đất của bà Lê Thị T là không đúng, thiếu so với thực tế diện tích đất sử dụng của bà T.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát:

Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã tiến hành tố tụng giải quyết vụ án đúng theo quy định pháp luật; các đương sự chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật tố tụng Hành chính.

Về kháng cáo của người khởi kiện bà Lê Thị T:

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bà T yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm *"buộc UBND huyện C cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T để công nhận toàn bộ diện tích đất tại thửa 50, tờ bản đồ 18, tọa lạc tại xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre, là đất ở"* là vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu của bà T, chưa được thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm, ngoài phạm vi xét xử phúc thẩm, nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

Đối với các yêu cầu kháng cáo còn lại của bà Lê Thị T nhận thấy:

Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ của vụ án, có căn cứ và đúng quy định pháp luật. Bà Lê Thị T kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào mới nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà T; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Đơn kháng cáo của người khởi kiện bà Lê Thị T nộp trong thời hạn và đúng thủ tục theo quy định của Luật tố tụng Hành chính nên hợp lệ, được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện UBND huyện C và Chủ tịch UBND huyện C, tỉnh Bến Tre có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này theo quy định tại khoản 4 Điều 225 của Luật tố tụng Hành chính.

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm có đủ cơ sở xác định:

[1] *Về việc tiến hành tố tụng giải quyết vụ án của Tòa án cấp sơ thẩm:*

Về đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết đã được Tòa án cấp sơ thẩm xác định và thực hiện đúng theo quy định của Luật tố tụng Hành chính.

[2] *Về tính hợp pháp và tính có căn cứ của các quyết định hành chính bị khiếu kiện đã được Tòa án cấp sơ thẩm xét xử nhưng có kháng cáo của người khởi kiện bà Lê Thị T:*

[2.1] Theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 760737, số vào sổ cấp GCN: CH03712, ngày 24/10/2014 của UBND huyện C, tỉnh Bến Tre, cấp cho bà Lê Thị T được quyền sử dụng thửa đất số 50, tờ bản đồ số 18, Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre, có diện tích 37,3m^2 với mục đích sử dụng là đất trồng cây lâu năm. Bà T không có ý kiến thắc mắc, khiến nại hoặc khiến kiện đối với việc UBND huyện C cấp giấy chứng nhận nêu trên.

[2.1.1] Tại Quyết định 1452/QĐ-UBND ngày 18/3/2020 của UBND huyện C *"Về việc thu hồi đất để thực hiện Dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 57 đoạn từ phà Đình Khao đến thị trấn Mỏ Cày, tỉnh Bến Tre, Vĩnh Long (đoạn xã P)*", UBND huyện C đã thu hồi của bà Lê Thị T diện tích đất 8,3m^2, thuộc một phần thửa đất số 50, tờ bản đồ số 18, tại xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre, nên xác định thu hồi của bà T diện tích đất 8,3m^2 đất trồng cây lâu năm, là đúng theo mục đích sử dụng đất mà bà T đã được cấp giấy chứng nhận nêu trên.

[2.1.2] Cùng ngày 18/3/2020, UBND huyện C ban hành Quyết định số 1276/QĐ-UBND "Về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Tiểu dự án giải phóng mặt bằng (Tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư) Dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 57 đoạn từ Bến phà Đình Khao đến thị trấn Mỏ Cày, tỉnh Bến Tre, Vĩnh Long (địa phận xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre)". Kèm theo quyết định này có Bảng áp giá chi tiết về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với bà Lê Thị T; trong đó, bà T được bồi thường diện tích 8,3m^2 đất trồng cây lâu năm, thuộc thửa số 50 (18), vị trí 1 đường QL 57, đơn giá 1.256.640đ/m^2, nên tổng số tiền bồi thường về đất bà T được nhận 10.430.113 đồng là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[2.1.3] Qua đó xét thấy, tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bà T cho rằng, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà T được quyền sử dụng diện tích 37,3m^2 đất trồng cây lâu năm, nhưng thực tế bà T đã xây dựng nhà ở trên diện tích đất này, nên bà T yêu cầu UBND huyện C phải xác định diện tích đất 37,3m^2 đất bà T đang sử dụng theo thực tế đất ở để bồi thường cho bà T là không có cơ sở.

[2.1.4] Đồng thời xét thấy, tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bà T cho rằng, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà T được quyền sử dụng diện tích 37,3m^2 đất trồng cây lâu năm, UBND huyện C thu hồi 8,3m^2, diện tích đất còn lại 29m^2 không đủ để xây dựng nhà theo quy định của UBND huyện C nên yêu cầu UBND huyện C phải bồi thường trị giá đất ở đối với toàn bộ diện tích đất 37,3m^2 với số tiền khoảng 700.000.000 đồng để bà T mua đất ở nơi khác, là không có cơ sở. Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện đã trình bày có nội dung xác định, phần đất còn lại của bà T là vẫn đủ điều kiện để ở theo quy định.

[2.2] Đối với yêu cầu phải định giá căn nhà theo giá trị xây mới 100% để bồi thường cho bà T với số tiền khoảng 800.000.000 đồng, xét thấy:

Mặc dù căn nhà bà T chỉ bị giải tỏa một phần, nhưng vì căn nhà của bà T có diện tích nhỏ, kết cấu nhà một căn, nên UBND huyện C đã chiết tính bồi thường toàn bộ căn nhà cho bà T. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ về nhà bà T được nhận 98.632.360 đồng theo Bảng áp giá chi tiết bồi thường của 02 quyết định (Quyết định số 1276/QĐ-UBND và Quyết định số 4070/QĐ-UBND) là đúng theo Quyết định 28/2019/QĐ-UBND ngày 05/8/2019 của UBND tỉnh Bến Tre về Ban hành Bảng áp giá nhà ở, vật kiến trúc xây dựng, công trình phục vụ sinh hoạt mới trên địa bàn tỉnh Bến Tre, có căn cứ và đúng theo quy định pháp luật. Bà T yêu cầu được bồi thường toàn bộ căn nhà theo giá trị xây mới 100% với số tiền khoảng 800.000.000 là không có cơ sở.

[2.3] Đối với yêu cầu phải được hỗ trợ tiền đào tạo, chuyển đổi nghề cho bà T đối với diện tích đất 37,3m^2.

Do đã xác định được, sau khi thu hồi diện tích đất 8,3m^2, phần đất còn lại của bà T vẫn đủ điều kiện để ở theo quy định, nên yêu cầu của bà T về việc hỗ trợ tiền đào tạo, chuyển đổi nghề cho bà T đối với toàn bộ diện tích đất 37,3m^2 là không có cơ sở.

[2.4] Về thẩm quyền ban hành các quyết định hành chính bị khiếu kiện:

Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định, căn cứ vào điểm a khoản 3 điều 69 Luật Đất đai 2013 thì mặc dù việc ban hành Quyết định số 1276/QĐ-UBND ngày 18/3/2020 *"Về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Tiểu dự án giải phóng mặt bằng (Tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư) Dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 57 đoạn từ Bến phà Đình Khao đến thị trấn Mỏ Cày, tỉnh Bến Tre, Vĩnh Long (địa phận xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre)"* và Quyết định số 4070/QĐ-UBND ngày 02/10/2020 *"Về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Tiểu dự án giải phóng mặt bằng (Tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư) Dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 57 đoạn từ Bến*

phà Đình Khao đến thị trấn Mỏ Cày, tỉnh Bến Tre, Vĩnh Long (địa phận xã P – Đợt 4)" là chưa đúng thẩm quyền, nhưng xét thấy không gây ảnh hưởng đến nội dung và thực tế thi hành quyết định nên không cần thiết phải hủy, là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ của vụ án, không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà T.

[3] Từ những phân tích và nhận định nêu trên, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bác yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T là có căn cứ. Bà Lê Thị T kháng cáo bản án sơ thẩm những không có tài liệu, chứng cứ nào mới, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất với ý kiến, quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, không chấp nhận kháng cáo của bà T; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bà T còn kháng cáo cho rằng*, "UBND huyện C thu hồi diện tích đất của bà Lê Thị T là không đúng, còn thiếu so với thực tế diện tích đất sử dụng của bà T; buộc UBND huyện C cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T để công nhận toàn bộ diện tích đất tại thửa 50, tờ bản đồ 18, tọa lạc tại xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre, là đất ở"*. Tuy nhiên, những nội dung yêu cầu như trên là vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu của bà T, chưa được thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm, ngoài phạm vi xét xử phúc thẩm theo quy định tại Điều 220 của Luật tố tụng Hành chính, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

[5] Án phí hành chính phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người khởi kiện bà Lê Thị T phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng Hành chính.

1- Không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện bà Lê Thị T; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số: 19/2021/HC-ST ngày 16/9/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre:

Căn cứ vào các Điều 3, 30, 32, 158, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 348 của Luật tố tụng Hành chính;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UNTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1.1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T về việc yêu cầu hủy:

+ Một phần Quyết định số 1276/QĐ-UBND ngày 18/3/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C "Về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Tiểu dự án giải phóng mặt bằng (Tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư) Dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 57 đoạn từ Bến phà Đình Khao đến thị trấn Mỏ Cày, tỉnh Bến Tre, Vĩnh Long (địa phận xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre)". Liên quan đến phần Bảng áp giá chi tiết về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của bà Lê Thị T.

- Một phần Quyết định số 4070/QĐ-UBND ngày 02/10/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C "Về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Tiểu dự án giải phóng mặt bằng (Tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư) Dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 57 đoạn từ Bến phà Đình Khao đến thị trấn Mỏ Cày, tỉnh Bến Tre, Vĩnh Long (địa phận xã P – Đợt 4)". Liên quan đến phần Bảng áp giá chi tiết chi phí bồi thường, hỗ trợ (bổ sung) của bà Lê Thị T.

+ Quyết định số 586/QĐ-UBND ngày 01/02/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C "Về việc giải quyết khiếu nại của bà Lê Thị T địa chỉ Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre".

+ Ghi nhận Ủy ban nhân dân huyện C đồng ý bồi thường thêm cho bà Lê Thị T 6.203.000 (sáu triệu hai trăm lẻ ba nghìn) đồng.

1.2. Về chi phí tố tụng:

Bà Lê Thị T tự nguyện chịu và đã quyết toán xong.

1.3. Án phí hành chính sơ thẩm:

Bà Lê Thị T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng; nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005198 ngày 03/3/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre; bà T đã nộp đủ án phí hành chính sơ thẩm.

2- Án phí hành chính phúc thẩm:

Bà Lê Thị T phải nộp 300.000 đồng; nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số: 0007359 ngày 29/9/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre; bà T đã nộp đủ án phí hành chính phúc thẩm.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án là ngày 14 tháng 01 năm 2022./.

Nơi nhận:
– Tòa án nhân dân tối cao;
– VKSNDCC tại Thành phố Hồ Chí Minh;
– TAND tỉnh Bến Tre;
– VKSND tỉnh Bến Tre;
– Cục THADS tỉnh Bến Tre;
– Các đương sự (2);
– Lưu: hồ sơ (1),VP (6), 14b.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Đình Thanh